

1. Tên chương trình: KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

Chương trình cử nhân Kinh tế công nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về kinh tế và quản lý trong các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng.

Chương trình đào tạo sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản, phẩm chất nghề nghiệp cần thiết chuyên sâu để sau khi tốt nghiệp có thể tham gia quản lý hiệu quả những hoạt động kỹ thuật, công nghệ và sản xuất trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành năng lượng như: dự báo nhu cầu năng lượng, quản lý đầu tư năng lượng, tính toán bài toán kinh tế dầu khí, kinh tế hệ thống điện, mô hình hoá hệ thống đến các vấn đề thực tiễn về giá năng lượng...

Cung cấp cho các sinh viên những kiến thức về tổ chức hoạt động và vận hành của thị trường, những vấn đề kinh tế trong các ngành công nghiệp và năng lượng cũng như những kiến thức liên quan đến quản lý các nguồn tài nguyên.

2. Kiến thức, kỹ năng đạt được sau tốt nghiệp

a. Kiến thức

- Kiến thức đại cương về khoa học cơ bản để tính toán và mô phỏng các quá trình sản xuất kinh doanh;
- Kiến thức đại cương về khoa học chính trị và pháp luật;
- Kiến thức cơ sở ngành kinh tế công nghiệp như công nghệ sản xuất năng lượng, hệ thống cung năng lượng, phụ tải và tính toán kinh tế kỹ thuật cơ bản trong vận hành hệ thống năng lượng, các mô hình kinh tế lượng trong nghiên cứu kinh tế, các mô hình trong quy hoạch và hoạch định chính sách năng lượng.

b. Kỹ năng

- Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong nhóm quản trị đa ngành và trong môi trường quốc tế;
- Có khả năng tham gia, dẫn dắt, thảo luận, đàm phán, thương thuyết và giải quyết xung đột nhóm.

c. Ngoại ngữ

Sử dụng hiệu quả ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp và công việc, đạt TOEIC từ 500 điểm trở lên.

3. Thời gian đào tạo và khả năng học lên bậc học cao hơn

- Đào tạo Cử nhân: 4 năm
- Đào tạo tích hợp Cử nhân - Thạc sĩ: 6 năm
- Đào tạo tích hợp Cử nhân - Thạc sĩ – Tiến sĩ: 9 năm

4. Danh mục học phần và thời lượng học tập:

Chương trình đào tạo có thể được điều chỉnh hàng năm để đảm bảo tính cập nhật với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ; tuy nhiên đảm bảo nguyên tắc không gây ảnh hưởng ngược tới kết quả người học đã tích lũy.

NGÀNH KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG (TC)
Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương			12
1	SSH1110	Những NLCB của CN Mác-Lênin I	2(2-1-0-4)
2	SSH1120	Những NLCB của CN Mác-Lênin II	3(2-1-0-6)
3	SSH1050	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2-0-0-4)
4	SSH1130	Đường lối CM của Đảng CSVN	3(2-1-0-6)
5	EM1170	Pháp luật đại cương	2(2-0-0-4)
Giáo dục thể chất			5
6	PE1014	Lý luận thể dục thể thao (bắt buộc)	1(0-0-2-0)
7	PE1024	Bơi lội (bắt buộc)	1(0-0-2-0)
8	Tự chọn trong danh mục	Tự chọn thể dục 1	1(0-0-2-0)
9		Tự chọn thể dục 2	1(0-0-2-0)
10		Tự chọn thể dục 3	1(0-0-2-0)
Giáo dục Quốc phòng - An ninh (165 tiết)			
11	MIL1110	Đường lối quân sự của Đảng	0(3-0-0-6)
12	MIL1120	Công tác quốc phòng, an ninh	0(3-0-0-6)
13	MIL1130	QS chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	0(3-0-2-8)
Tiếng Anh			6
14	FL1100	Tiếng Anh I	3(0-6-0-6)
15	FL1101	Tiếng Anh II	3(0-6-0-6)
Khối kiến thức Toán và Khoa học cơ bản			32
16	MI1113	Giải tích I	4(3-2-0-8)
17	MI1133	Giải tích III	3(2-2-0-6)
18	MI1143	Đại số	4(3-2-0-8)
19	MI2020	Xác suất thống kê	3(2-2-0-6)
20	MI3131	Toán kinh tế	2(2-1-0-4)
21	PH1110	Vật lý đại cương I	3(2-1-1-6)
22	PH1120	Vật lý đại cương II	3(2-1-1-6)
23	IT1130	Tin học đại cương	2(1-0-2-4)
24	EM2300	Tin học kinh tế đại cương	2(1-0-2-4)
25	EM1100	Kinh tế học vi mô đại cương	3(3-1-0-6)
26	EM1110	Kinh tế học vĩ mô đại cương	3(3-1-0-6)
Cơ sở và cốt lõi ngành			48
27	EM1600	Nhập môn ngành Kinh tế công nghiệp	2(1-2-0-4)
28	EM3140	Kinh tế quốc tế	2(2-1-0-4)

29	EM3190	Hành vi tổ chức	2(2-1-0-4)
30	EM3211	Nguyên lý Marketing	3(3-1-0-6)
31	EM3230	Thống kê ứng dụng	3(3-1-0-6)
32	EM3417	Quản trị sản xuất (BTL)	3(2-2-0-6)
33	EM4413	Quản trị nhân lực	3(3-1-0-6)
34	EE1010	Nhập môn Kỹ thuật điện	3(2-2-0-6)
35	EE3469	Hệ thống cung cấp điện	2(2-1-0-4)
36	EE4111	Công nghệ phát điện	2(2-1-0-4)
37	EM3130	Kinh tế lượng	3(3-1-0-6)
38	EM4130	Kinh tế đầu tư	3(3-1-0-6)
39	EM4416	Quản trị chiến lược (BTL)	3(2-2-0-6)
40	EM4611	Anh văn chuyên ngành Kinh tế năng lượng	2(2-1-0-4)
41	EM4615	Lý thuyết giá năng lượng	3(3-1-0-6)
42	EM4617	Kinh tế vận hành hệ thống điện (BTL)	3(2-2-0-6)
43	EM4624	Kinh tế dầu khí	3(3-1-0-6)
44	EM4716	Kế toán quản trị	3(2-2-0-6)
Kiến thức bổ trợ			9TC
45	EM1010	Quản trị học đại cương	2(2-1-0-4)
46	EM1180	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp	2(2-1-0-4)
47	ED3280	Tâm lý học ứng dụng	2(1-2-0-4)
48	ED3220	Kỹ năng mềm	2(1-2-0-4)
49	ET3262	Tư duy công nghệ và thiết kế kỹ thuật	2(1-2-0-4)
50	TEX3123	Thiết kế mỹ thuật công nghiệp	2(1-2-0-4)
51	EM2222	Technical Writing and Presentation	3(2-2-0-6)
Tự chọn theo định hướng			16
Modun 1 - Kinh tế và chính sách năng lượng			
52	EM2120	Kinh tế và quản lý công nghiệp	2(2-1-0-4)
53	EM4625	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2(2-1-0-4)
54	EM4633	Phân tích và dự báo nhu cầu năng lượng (BTL)	3(2-2-0-6)
55	EM4629	Quy hoạch phát triển năng lượng	3(3-1-0-6)
56	EM4628	Thị trường năng lượng	3(3-1-0-6)
57	EM4632	Chính sách năng lượng	3(3-1-0-6)
Modun 2 - Năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả			
58	EM2120	Kinh tế và quản lý công nghiệp	2(2-1-0-4)
59	EM4625	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2(2-1-0-4)
60	EM4633	Phân tích và dự báo nhu cầu năng lượng (BTL)	3(2-2-0-6)
61	EM4641	Mô hình tài chính cho các dự án năng lượng	3(3-1-0-6)
62	EM4642	Năng lượng tái tạo: Công nghệ, thị trường và chính sách phát triển	3(3-1-0-6)
63	EM4643	Quản lý sử dụng năng lượng trong doanh nghiệp	3(3-1-0-6)
Modun 3 - Lựa chọn thực tập tại doanh nghiệp			
64	EM2120	Kinh tế và quản lý công nghiệp	2(2-1-0-4)

65	EM4625	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2(2-1-0-4)
66	EM4628	Thị trường năng lượng	3(3-1-0-6)
67	EM4633	Phân tích và dự báo nhu cầu năng lượng (BTL)	3(2-2-0-6)
68	EM4640	Chuyên đề (BTL)	3(1-4-0-6)
69	EM4643	Quản lý sử dụng năng lượng trong doanh nghiệp	3(3-1-0-6)
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			
70	EM4650	Thực tập tốt nghiệp	2(0-0-4-8)
71	EM4651	Khóa luận tốt nghiệp	6(0-0-12-24)